

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 3

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số .../TTr-SNNMT ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Quy định này quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.”

2. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 3 như sau:

“8. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản không thể di chuyển được quy định chi tiết tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy định này.”

3. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản

1. Mức bồi thường được xác định theo diện tích hoặc thể tích nuôi thực tế bị thiệt hại, đơn giá tương ứng với loài thủy sản, hình thức nuôi, mật độ và thời gian nuôi tại Phụ lục VIII; bảo đảm không vượt quá thiệt hại thực tế do thu hồi đất gây ra.

Mức bồi thường = Diện tích hoặc thể tích nuôi thực tế bị thiệt hại × Đơn giá bồi thường tương ứng.

2. Diện tích hoặc thể tích nuôi thực tế bị thiệt hại là diện tích mặt nước ao, bể, lồng nuôi hoặc thể tích nước nuôi có thủy sản bị thiệt hại do thu hồi đất, được xác định qua kiểm đếm.

3. Mật độ nuôi thực tế khác mật độ quy định tại Phụ lục VIII, đơn giá bồi thường được xác định đối với cùng loài thủy sản, cùng hình thức nuôi và cùng thời gian nuôi như sau:

a) Trường hợp thấp hơn mức mật độ nuôi thấp nhất, đơn giá bồi thường được tính theo tỷ lệ giữa mật độ nuôi thực tế và mức mật độ nuôi thấp nhất theo công thức: $ĐG_{tt} = ĐG_{min} \times (M_{min}/M_{tt})$, trong đó: $ĐG_{tt}$: Đơn giá thực tế; $ĐG_{min}$: Đơn giá tương ứng với mật độ quy định nhỏ nhất; M_{min} : Mật độ quy định nhỏ nhất; M_{tt} : Mật độ thực tế;

b) Trường hợp nằm giữa hai mức mật độ liên kề, đơn giá bồi thường được xác định bằng phương pháp nội suy tuyến tính giữa đơn giá tương ứng với hai mật độ đó theo công thức: $ĐG_{tt} = ĐG_1 + (ĐG_2 - ĐG_1) \times (M_2 - M_1) / (M_{tt} - M_1)$, trong đó: $ĐG_{tt}$: Đơn giá thực tế; $ĐG_1, ĐG_2$: Đơn giá tương ứng với hai mật độ liên kề trong bảng đơn giá được quy định; M_{tt} : Mật độ thực tế; M_1, M_2 : Hai mật độ liên kề trong bảng đơn giá được quy định;

c) Trường hợp cao hơn mức mật độ nuôi cao nhất, áp dụng đơn giá tương ứng với mức mật độ cao nhất quy định tại Phụ lục VIII.

Mật độ thực tế phải được xác định, xác minh và ghi nhận trong hồ sơ kiểm đếm. Mức bồi thường sau khi áp dụng đơn giá theo khoản này không vượt quá thiệt hại thực tế do thu hồi đất gây ra.

4. Thời gian nuôi thực tế được xác định từ khi thả giống đến thời điểm thống kê, kiểm đếm, căn cứ hồ sơ thả nuôi và hiện trạng được xác minh. Trường hợp nằm giữa các mốc tháng, xác định khối lượng và tỷ lệ sống để tính đơn giá tương ứng; không tự động làm tròn lên tháng tiếp theo.

5. Tháng cuối chu kỳ nuôi tại Phụ lục VIII được thể hiện để làm mốc nội suy, không áp dụng đơn giá bồi thường tại mốc này vì đã đến thời điểm thu hoạch. Đối với thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch, chủ sở hữu thực hiện thu

hoạch trước khi bàn giao đất; trường hợp còn phát sinh thiệt hại thực tế phải được xác minh, xem xét theo quy định của pháp luật, không tự động áp dụng đơn giá của tháng liền trước.”

4. Bổ sung Phụ lục VIII vào Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

b) Đối với dự án đã lập, thẩm định phương án bồi thường nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì rà soát, cập nhật nội dung bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản theo Quyết định này để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*trước đây*)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Lắk;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Các phòng: ĐTKT, TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Q.30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn